TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2023
V/v **"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Huỳnh Thị Kim Phượng***.
Các Hội thẩm nhân dân: ***- Ông Phạm Quang Nghĩa.***
- Ông Châu Văn Nhâm.

- *Thư ký phiên tòa:* ***Bà Nguyễn Thị Kim Hương***- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: ***Bà Nguyễn Phương Dung*** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **550**/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2023 về việc **"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **178**/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 14/11/2023; Thông báo số: 326/2023/TB-TA ngày 01/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 14/12/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Ngô Đình L, sinh năm 1988.(có mặt)

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1988.(có mặt)

Cùng địa chỉ: số 18, ấp Việt Kiều, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Đình L trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Kim H tìm hiểu yêu thương 8 năm thì đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Sau kết hôn vợ chồng về sống chung với mẹ ông, vợ chồng ông là nhân viên trường học, cuộc sống vợ chồng bình thường, kinh tế tạm ổn. Đến khoảng năm 2020 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng thường xảy gây gỗ, to tiếng với nhau, không còn tin tưởng tôn trọng nhau, gia đình cha mẹ hai bên cũng đã hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến bà H. Đến tháng 3/2023 vợ chồng ly thân ông ra ngoài sống riêng. Nay nguyện vọng ông vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung: cháu Ngô Khôi N, ngày sinh 14/4/2014 và cháu Ngô Khánh Ng, sinh ngày 23/10/2016.

Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Ng, không yêu cầu bà Hương cấp dưỡng nuôi con.

Khoản thu nhập của ông từ lương ở trường là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm ngàn) và ông làm thêm bên viễn thông thu nhập 9.000.000 đồng (Chín triệu), trừ chi tiêu trong tháng ông còn dư lại 7.000.0000 đồng (Bảy triệu). Với khoản thu nhập ổn định trên ông đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu Ngô Khánh Ng sau khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:***

Bà thừa nhận thời gian kết hôn cũng như con chung đúng như ông L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẩn xảy ra năm 2019 do chồng bà có quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ bên ngoài làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, việc này gia đình chồng có biết. Chính thức tháng 3/2023 ông L ra ngoài sống riêng vợ chồng ly thân từ thời gian đó. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông L nữa nên bà đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông L.

Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi 02 con cháu N và Ng, bà yêu cầu ông L trợ cấp nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng/1 cháu.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Khoản thu nhập của bà từ lương là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ngàn), bà còn bán thêm hàng qua mạng và bán nước tại nhà, trung bình 01 tháng trừ các khoản chi bà còn lại 5.000.000 đồng (Năm triệu), bà đảm bảo trước tòa bà sẽ nuôi con tốt.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Đình L. Ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

-Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung cháu Ngô Khôi N, ngày sinh 14/4/2014 và cháu Ngô Khánh Ng, sinh ngày 23/10/2016.

Sau khi ly hôn giao 02 cháu Ngô Khôi N và cháu Ngô Khánh Ng cho bà H nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Buộc ông Ngô Đình L có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000 đồng/ 01 cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Ngô Đình L có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Kim H có hộ khẩu thường trú tại số 18, ấp Việt kiều, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh

Đồng Nai, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "***Ly hôn, tranh chấp nuôi con***", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu ly hôn của ông L nhận thấy: Vợ chồng ông L, bà H thừa nhận không còn tình cảm và đã ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận cho ông bà ly hôn.

- Về con chung: Hiện các con của ông bà đang được bà H nuôi dưỡng, hơn nữa nguyện vọng của cháu N và cháu Ng xin được ở với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử giao các cháu cho bà H nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Buộc ông Ngô Đình L có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000 đồng *(Hai triệu)*/ 01 cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3]*Về án phí:* áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Buộc ông Ngô Đình L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Ngô Đình L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung:

Giao 02 cháu Ngô Khôi N, ngày sinh 14/4/2014 và cháu Ngô Khánh Ng, sinh ngày 23/10/2016 cho bà H nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Buộc ông Ngô Đình L có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi 02 con hàng tháng là 2.000.000 đồng/ 01 cháu.

Sau khi ly hôn ông L được quyền qua lại, thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết ông L, bà H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng việc nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

-Về án phí:

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH 14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Ông Ngô Đình L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông L đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0008195 ngày 26/7/2023.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ ĐÃ KÝ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nghĩa **Châu Văn Nhâm** **Huỳnh Thị Kim Phượng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.
THẨM